

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “Xin ly hôn và nuôi con”, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Xuân A, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khóm D, phường E, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Minh B, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khóm D, phường E, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Xuân A, sinh năm 1985, nơi cư trú: Khóm D, phường E, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và ông Trịnh Minh B, sinh năm 1985, nơi cư trú: Khóm D, phường E, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Nguyên đơn bà Trần Thị Xuân A và bị đơn ông Trịnh Minh B thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** 01 người con là Trịnh Phương C, sinh ngày 02/3/2020. Bà A và ông B thỏa thuận thống nhất giao con chung cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Trần Thị Xuân A và ông Trịnh Minh B đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:** 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà A phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng, ông B phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng nhưng bà A tự nguyện đồng ý nộp thay cho ông B nên bà A phải nộp toàn bộ 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010011 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên bà A được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền thừa tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THA DS TPTV;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hs.

Bùi Thị Bích Chi